

Chính sách an ninh - quốc phòng của vua Minh Mạng đối với khu vực biên giới Tây Nam (1820-1840)

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt^{1,*}, Nguyễn Như Ý²



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu về chính sách an ninh - quốc phòng của triều Nguyễn đối với khu vực biên giới Tây Nam trong thời kỳ trị vì của vua Minh Mạng (1820-1840) trên hai khía cạnh chủ yếu: (i) việc củng cố, xây dựng, tổ chức lực lượng quân đội; và (ii) thiết lập hệ thống đồn, bảo ở khu vực này. Dựa trên nguồn tài liệu chủ yếu do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, cùng với các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành như phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp logic và các thao tác nghiên cứu so sánh, đối chiếu, bài viết đưa ra quan điểm rằng, là vùng đất trung hưng của nhà Nguyễn, Nam Kỳ có vị trí trọng yếu về quốc phòng và đối ngoại, có tiềm năng lớn về kinh tế để tạo ra bước đột phá cho sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, vùng đất Nam Kỳ cũng thường xuyên có những bất ổn về chính trị, đặc biệt là ở khu vực biên giới Tây Nam, do mối quan hệ phức tạp giữa ba quốc gia phong kiến là Đại Nam (Việt Nam), Chân Lạp (Campuchia), và Xiêm La (Thái Lan). Là vị vua có nhân quan chính trị nhạy bén, sau khi lên ngôi (1820), kế thừa một lãnh thổ và lãnh hải rộng lớn, Minh Mạng sớm ý thức được vai trò quan trọng của khu vực biên giới Tây Nam với an ninh quốc gia, vì thế đã thực hiện chính sách an ninh - quốc phòng ở đây một cách linh hoạt, phù hợp với thực tế địa phương, nhằm hướng tới mục tiêu duy trì sự ổn định trật tự, củng cố phòng ngự biên cương và xác lập chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Trong thực tiễn, chính sách này đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ vững chắc chủ quyền của Đại Nam trên vùng đất Nam Kỳ.

Từ khoá: chính sách, an ninh - quốc phòng, biên giới Tây Nam, Minh Mạng, 1820-1840

¹Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

²Học viên cao học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: nguyetxhvn@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 29-02-2024
- Ngày sửa đổi: 16-7-2024
- Ngày chấp nhận: 29-9-2024
- Ngày đăng:

DOI:



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



1 ĐẶT VẤN ĐỀ

2 Năm 1802, sau khi thiết lập vương triều và cai quản
3 đất nước thống nhất trên phạm vi rộng lớn từ ai Nam
4 Quan đến mũi Cà Mau, bên cạnh những thuận lợi cơ
5 bản, triều Nguyễn cũng phải đối mặt với nhiều khó
6 khăn, thách thức trong đó có việc bảo vệ và khẳng
7 định chủ quyền biên giới - lãnh thổ. Là vùng đất có
8 vị trí trọng yếu về quốc phòng và đối ngoại, Nam Kỳ
9 có tiềm năng lớn để tạo ra bước đột phá cho sự phát
10 triển kinh tế - xã hội của Việt Nam từ xưa đến nay, tuy
11 nhiên, vùng đất Nam Kỳ dưới sự cai trị của các chúa
12 Nguyễn và thời kỳ đầu triều Nguyễn thường xuyên có
13 những bất ổn về chính trị¹, đặc biệt là sự bất ổn của
14 mối quan hệ giữa ba quốc gia phong kiến Đại Nam
15 (Việt Nam), Chân Lạp (Campuchia) và Xiêm La (Thái
16 Lan) từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX. Điều
17 này đã ảnh hưởng lớn đến sự ổn định và phát triển
18 của vùng đất Nam Kỳ dưới sự trị vì của các vua đầu
19 triều Nguyễn. Trong thời kỳ các chúa Nguyễn, Xiêm
20 La từng có quan hệ tốt đẹp với Nguyễn Ánh trong
21 cuộc chiến chống Tây Sơn, nhưng từ sau khi triều
22 Nguyễn được thiết lập, đặc biệt là dưới triều Minh
23 Mạng (1820-1840), với tham vọng kiểm soát Chân
24 Lạp và bành trướng lãnh thổ, Xiêm La luôn tìm thời

25 cơ để tiến hành gây rối vùng biên giới và tấn công vào
26 vùng Tây Nam của Đại Nam. Cụ thể là đầu năm 1834,
27 lợi dụng khởi biến Lê Văn Khôi ở Gia Định, Xiêm La
28 đã tiến chiếm Chân Lạp, sau đó chia quân tiến vào Đại
29 Nam, trọng điểm là Nam Kỳ². Là vị vua thứ 2 trong
30 số 13 vị vua của triều Nguyễn, Minh Mạng được biết
31 đến là một nhà cải cách hành chính xuất sắc, đóng
32 góp quan trọng vào việc định hình lại bản đồ hành
33 chính của quốc gia, đặt nền móng cho sự ổn định lãnh
34 thổ với các ranh giới được xác định một cách khoa
35 học và chính xác. Trên hết, Minh Mạng còn nổi bật
36 với những nỗ lực không ngừng trong việc bảo vệ và
37 phát triển chủ quyền biên giới quốc gia, thông qua
38 việc triển khai các chính sách quyết đoán và chi tiết
39 để củng cố và khẳng định quyền lực của đất nước trên
40 mọi phương diện.

41 Do vị trí và vai trò chiến lược của vùng đất Nam Kỳ nói
42 chung, khu vực biên giới Tây Nam trong chính sách
43 an ninh - quốc phòng dưới thời kỳ Minh Mạng nói
44 riêng, vấn đề này đã nhận được sự quan tâm nghiên
45 cứu của nhiều nhà khoa học, với nhiều góc độ luận
46 giải khác nhau, tiêu biểu như tác giả Nguyễn Minh
47 Tường, trong công trình *Cải cách hành chính dưới thời*
48 *Minh Mạng (1820-1840)*³ đã đề cập đến những chính
49 sách của Minh Mạng (trong đó có chính sách an ninh

Trích dẫn bài báo này: Nguyệt N T A, Ý N N. Chính sách an ninh - quốc phòng của vua Minh Mạng đối với khu vực biên giới Tây Nam (1820-1840) . *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; (1):1-10.

50 - quốc phòng) đối với khu vực biên giới Tây Nam. Tác
 51 giả cho rằng, những biện pháp kinh tế, chính trị, văn
 52 hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh mà Minh Mạng
 53 thực hiện đối với vùng đất Nam Bộ nói chung, khu
 54 vực biên giới Tây Nam nói riêng, thể hiện sự quan tâm
 55 đặc biệt của triều đình đối với vùng đất này. Tác giả
 56 Choi Byung Wook, trong công trình *Vùng đất Nam Bộ*
 57 *dưới triều Minh Mạng*⁴, trong phần II, tác giả đề cập
 58 đến “những nét đặc thù dưới thời Minh Mạng” với các
 59 chính sách mà Minh Mạng đã thi hành ở Nam Bộ nói
 60 chung, khu vực biên giới Tây Nam nói riêng như xây
 61 dựng đồn điền, mộ dân lập ấp... để nắm quyền kiểm
 62 soát và cai trị trực tiếp vùng đất này. Tác giả Nguyễn
 63 Quang Ngọc, trong công trình *Vùng đất Nam Bộ: Từ*
 64 *đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX*⁵ đã trình bày
 65 nhiều vấn đề liên quan đến vùng đất Nam Bộ, trong
 66 đó có đề cập đến chính sách của vua Minh Mạng đối
 67 với khu vực biên giới Tây Nam. Tác giả khẳng định,
 68 mặc dù chưa có một chính sách hoàn chỉnh đối với
 69 khu vực biên giới Tây Nam, song những biện pháp
 70 về khẩn hoang phát triển kinh tế, thiết lập hệ thống
 71 đồn, bảo, tổ chức bố phòng, cũng như thực hiện chính
 72 sách “an dân” đối với khu vực biên giới Tây Nam của
 73 vua Minh Mạng đã chứng tỏ khu vực này đóng vai
 74 trò quan trọng đối với vấn đề bảo vệ chủ quyền biên
 75 giới quốc gia. Bên cạnh đó, còn có các bài viết, tiêu
 76 biểu như Tác giả Lưu Văn Quyết, trong bài viết “Biện
 77 pháp sử dụng quan lại là người địa phương trong bộ
 78 máy chính quyền ở Nam Bộ trong thời kỳ đầu của
 79 triều Nguyễn (1802-1832)”¹ cho rằng, Gia Long và
 80 Minh Mạng ít nhiều đã có chính sách “ưu tiên” trong
 81 việc tuyển chọn và sử dụng quan lại đối với vùng đất
 82 Nam Bộ, và chính sách này đã có tác dụng to lớn, góp
 83 phần trong việc bảo vệ vững chắc vùng đất Nam Bộ
 84 nói chung, biên giới Tây Nam nói riêng. Tác giả Tống
 85 Văn Lợi, trong bài viết “Gia Long và Minh Mạng với
 86 vấn đề khai thác và quản lý biên giới Tây Nam (1802-
 87 1840)”⁶ cho rằng, chính sách biên phòng ở khu vực
 88 biên giới Tây Nam được vua Gia Long và Minh Mạng
 89 thực thi có lớp lang, trình tự, mang tính kế tiếp nhau.
 90 Trong đó, hai chính sách được nhà Nguyễn thực hiện
 91 song song ở khu vực biên giới Tây Nam là mộ dân
 92 lập ấp và xây dựng hệ thống quốc phòng, bảo vệ biên
 93 giới. Tác giả Đặng Văn Chương, trong các bài viết:
 94 “Về cuộc tấn công của Xiêm vào Hà Tiên và Châu Đốc
 95 cuối năm 1833 đầu năm 1834”⁷ và “Việt Nam trong
 96 quan hệ với Xiêm về vấn đề Lào và Campuchia đầu thế
 97 kỷ XIX”⁸ đã luận giải, so sánh, mối quan hệ phức tạp,
 98 chống chọi và thăng trầm giữa ba quốc gia trong nửa
 99 đầu thế kỉ XIX. Từ đó, lý giải nguyên nhân vì sao triều
 100 đình nhà Nguyễn (trong đó có vua Minh Mạng) đã
 101 đặc biệt quan tâm và ngày càng tăng cường các chính
 102 sách an ninh - quốc phòng đối với khu vực biên giới

Tây Nam. Tác giả Dương Thế Hiển, trong bài viết “Hệ
 103 Thống Cơ sở phòng thủ trên vùng đất Hà Tiên dưới
 104 triều Nguyễn (1802-1859)”⁹ đã phục dựng lại diện
 105 mạo hệ thống cơ sở phòng thủ trên vùng đất Hà Tiên
 106 như một phần quan trọng trong công cuộc bảo vệ và
 107 phát triển vùng biên giới Tây Nam của triều Nguyễn
 108 trong giai đoạn 1802-1859. Thông qua việc làm sáng
 109 tỏ hệ thống cơ sở phòng thủ của triều Nguyễn trên
 110 vùng đất Hà Tiên với hai tuyến phòng thủ trên bộ và
 111 hải đảo, tác giả cho rằng với vị trí địa chiến lược tiếp
 112 giáp với Chân Lạp và Xiêm, Hà Tiên trở thành một
 113 khu vực phòng thủ quan trọng, giữ vai trò lá chắn tiền
 114 tiêu trên mặt Tây Nam trong chính sách quốc phòng
 115 của triều Nguyễn. Do đó, việc củng cố và thiết lập
 116 các cơ sở quốc phòng trên vùng biên giới đặc biệt này
 117 trở thành một chính sách lớn của triều Nguyễn. Tác
 118 giả Cao Thanh Tân, trong bài viết “Đồn điền - một
 119 loại hình tổ chức sản xuất nông nghiệp quan trọng
 120 nửa đầu thế kỷ XIX”¹⁰ cho rằng, hệ thống đồn điền
 121 ở khu vực biên giới Tây Nam có vai trò hết sức quan
 122 trọng, “vừa khai khẩn ruộng đất, canh tác nông nghiệp,
 123 phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng cương vực lãnh thổ;
 124 vừa sẵn sàng chuyển thành phiên hiệu quân đội tham
 125 gia dẹp loạn, chống ngoại xâm, tạo nên những hàng
 126 rào biên giới vững chắc, giữ yên biên thùy”. Ngoài ra,
 127 còn có các bài viết như “Chính sách của vương triều
 128 Nguyễn đối với dân tộc Khmer ở Nam Bộ” của tác giả
 129 Nguyễn Minh Tường¹¹; “Quá trình phân định biên
 130 giới giữa Nam Bộ Việt Nam và Campuchia từ giữa thế
 131 kỷ XIX đến nay” của Lê Trung Dũng¹²... Các công
 132 trình này dưới nhiều cách tiếp cận khác nhau đã trình
 133 bày nhiều vấn đề liên quan đến khu vực biên giới Tây
 134 Nam cũng như chính sách phòng thủ biên giới Tây
 135 Nam của triều Nguyễn nói chung, thời kỳ trị vì của
 136 vua Minh Mạng nói riêng.
 137 Từ việc tổng quan các công trình nghiên cứu có liên
 138 quan cho thấy, chính sách của nhà Nguyễn đối với
 139 vùng biên giới Tây Nam dưới triều Minh Mạng không
 140 phải là một vấn đề nghiên cứu hoàn toàn mới. Ở
 141 những khía cạnh và mức độ khác nhau, vấn đề này đã
 142 được đề cập trong không ít các công trình nghiên cứu.
 143 Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có nhiều nghiên cứu
 144 mang tính toàn diện, hệ thống về chính sách an ninh
 145 - quốc phòng của triều Nguyễn đối với khu vực biên
 146 giới Tây Nam trong thời kỳ trị vì của vua Minh Mạng
 147 (1820-1840) trên hai khía cạnh củng cố, xây dựng, tổ
 148 chức lực lượng quân đội và thiết lập hệ thống đồn bảo
 149 ở khu vực này.
 150

TỔNG QUAN TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nguồn tài liệu sử dụng trong bài viết bao gồm: (i)
 các ghi chép của Quốc sử quán triều Nguyễn như *Đại*

155 Nam thực lục, Minh Mạng chính yếu, Khâm định Đại
 156 Nam hội điển sự lệ, Đại Nam nhất thống chí. Đây là
 157 nguồn tư liệu quan trọng, có nhiều thông tin liên quan
 158 trực tiếp đến nghiên cứu này; (ii) công trình nghiên
 159 cứu của các học giả đã xuất bản liên quan đến vấn đề
 160 nghiên cứu. Trên cơ sở nguồn tài liệu này, bài viết sử
 161 dụng hai phương pháp nghiên cứu cơ bản của khoa
 162 học lịch sử, đó là phương pháp lịch sử, phương pháp
 163 logic và các thao tác nghiên cứu liên ngành như so
 164 sánh, đối chiếu,... để khái quát một cách có hệ thống
 165 chính sách an ninh - quốc phòng của nhà Nguyễn
 166 dưới triều Minh Mạng trên hai phương diện chính:
 167 (i) việc xây dựng và tổ chức lực lượng quân đội; (ii)
 168 thiết lập hệ thống đồn, bảo ở khu vực biên giới Tây
 169 Nam. Từ đó, rút ra những kết luận mang tính kế thừa
 170 cho chính sách an ninh - quốc phòng của Việt Nam
 171 đối với khu vực này trong giai đoạn hiện nay.

172 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

173 Khái quát về khu vực biên giới Tây Nam dưới 174 thời vua Minh Mạng

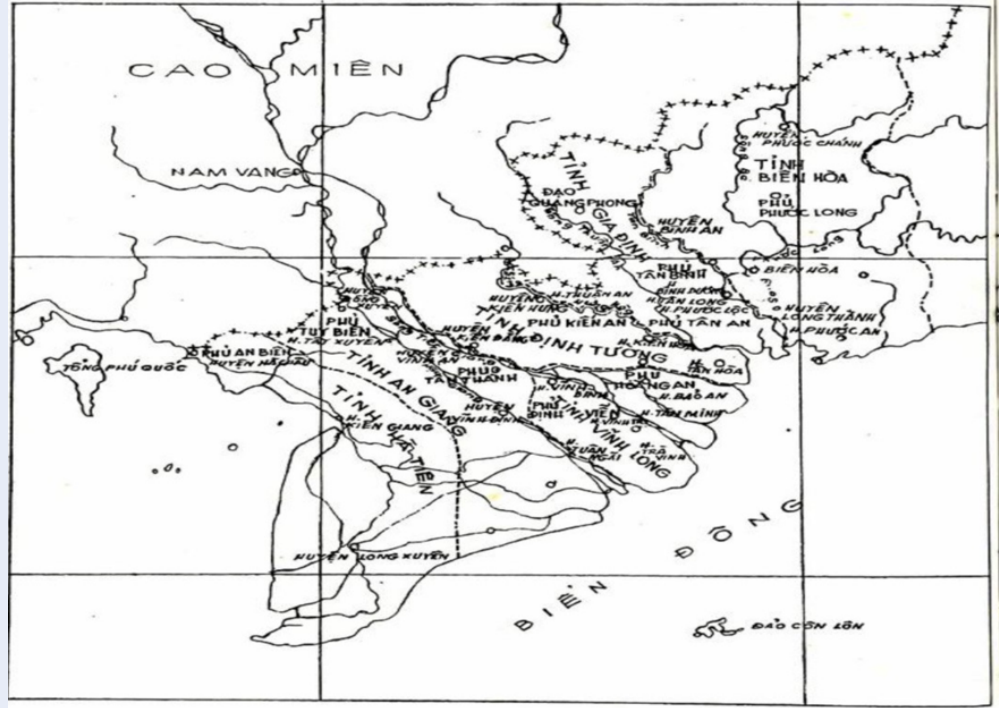
175 Biên giới là một trong những yếu tố then chốt trong
 176 phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của
 177 một quốc gia. Biên giới quốc gia ổn định góp phần
 178 tạo điều kiện cho hòa bình và phát triển của quốc gia.
 179 Do đó, biên giới và bảo vệ biên giới luôn là vấn đề
 180 trọng yếu và cấp thiết của mỗi quốc gia, dân tộc trong
 181 lịch sử và hiện tại. Biên giới quốc gia được định nghĩa
 182 là đường phân định lãnh thổ giữa hai quốc gia hoặc
 183 giữa một quốc gia và các vùng biển thuộc chủ quyền
 184 và quyền tài phán của quốc gia đó¹³. Biên giới quốc
 185 gia được hình thành dựa trên các thỏa thuận giữa các
 186 quốc gia có lãnh thổ tiếp giáp nhau thông qua các
 187 Hiệp ước, Hiệp định, Nghị định thư, hoặc dựa trên
 188 các tiêu chí tự nhiên hoặc quy ước [14, tr.157].

189 Khu vực biên giới Tây Nam được đề cập trong bài
 190 viết này là các tỉnh có đường biên giới giáp với Chân
 191 Lạp và Xiêm La thời bấy giờ, cụ thể là các khu vực có
 192 địa giới tiếp giáp với Chân Lạp và Xiêm La. Sau năm
 193 1757 dưới thời Chúa Nguyễn, khu vực biên giới Tây
 194 Nam nước ta đã bước đầu được xác lập. Các đời vua
 195 nhà Nguyễn sau này có những điều chỉnh nhất định
 196 nhưng chủ yếu dựa trên nền tảng cơ bản đó. Từ thời
 197 Gia Long đến trước cải cách của vua Minh Mạng năm
 198 1832, khu vực này thuộc địa phận các trấn Phiên An,
 199 Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên (cụ thể là huyện
 200 Bình Dương, Thuận An (trấn Phiên An), Kiến Đăng
 201 (trấn Định Tường), Vĩnh An, Vĩnh Định (trấn Vĩnh
 202 Thanh) và phía tây trấn Hà Tiên). Từ sau năm 1832,
 203 khu vực này thuộc 4 tỉnh: Gia Định, Định Tường, An
 204 Giang, Hà Tiên (thuộc địa phận các huyện: Tân Ninh,
 205 Quang Hóa (tỉnh Gia Định), Kiến Phong (tỉnh Định

Tường), Vĩnh Định, Đông Xuyên, Tây Xuyên (tỉnh
 An Giang), Hà Châu, Kiên Giang, Hà Âm, Hà Dương
 (tỉnh Hà Tiên) [15, tr.16] (xem Hình 1).

Là địa đầu xung yếu, “phên dậu” của cả vùng đất Nam
 Kỳ rộng lớn, trù phú, khu vực biên giới Tây Nam trong
 thời kỳ đầu triều Nguyễn, là nơi có địa hình tương
 đối phức tạp, hoang vu, rậm rạp, núi non trồi hụp, bị
 chia cắt bởi nhiều sông ngòi chằng chịt⁶. Đặt trong
 bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ khi những vùng đất màu
 mỡ chưa được khai thác ở Nam Kỳ còn nhiều, thì khu
 vực biên giới là nơi khó khai khẩn, nhiều nguy hiểm
 rình rập như thú dữ, sơn lam chướng khí hay nạn binh
 đao... Vì vậy, dân cư sinh sống ở đây khá thưa thớt,
 gồm người Việt, người Miên (người Khmer), người
 Hoa và người Chăm¹⁷. Từ thời các chúa Nguyễn đến
 những năm cuối thời Gia Long, mặc dù triều đình
 đã ban hành các chính sách để khuyến khích cư dân
 đến khu vực khai hoang lập nghiệp, tuy nhiên cư dân
 người Việt vẫn chủ yếu khai khẩn những khu vực phù
 sa đất tốt, đất giồng ven sông để phát triển kinh tế và
 củng cố quốc gia¹⁸.

Sang thời Minh Mạng, nhằm xác định và bảo vệ biên
 giới giữa Đại Nam và Chân Lạp, triều đình đã thực
 hiện nhiều chính sách khuyến khích người Việt di cư
 đến khu vực biên giới để mở đất, lập làng, định cư.
 Đặc biệt, sự ra đời của kênh Vĩnh Tế đã khơi dậy tiềm
 năng kinh tế của khu vực này, thu hút số lượng đông
 đảo lưu dân người Việt đến định cư. Sự phát triển
 nhanh chóng và đa dạng của cộng đồng dân cư tại biên
 giới Tây Nam đã tạo ra thách thức trong việc quản
 lý xã hội ở khu vực này, đòi hỏi phải có chính sách
 hài hòa giữa việc bảo vệ chủ quyền biên giới và phát
 triển kinh tế - xã hội, tránh những mâu thuẫn sắc tộc
 có thể nảy sinh¹⁰. Bên cạnh đó, từ khi triều Nguyễn
 được thiết lập, mặc dù quá trình xác lập chủ quyền
 của người Việt ở đây đã hoàn thành về cơ bản, song
 trong bối cảnh mối quan hệ giữa Đại Nam với Chân
 Lạp và Xiêm La luôn tiềm ẩn và nảy sinh nhiều vấn
 đề phức tạp, đặc biệt là trong thời gian trị vì của vua
 Minh Mạng, đòi hỏi phải có những quyết sách, để bảo
 vệ vững chắc biên cương phía nam của đất nước³. Đối
 mặt với Xiêm La đầy tham vọng, Minh Mạng đã tiến
 hành kết hợp chính sách an ninh - quốc phòng với
 chính sách phát triển kinh tế, xã hội để duy trì, củng
 cố khu vực biên giới Tây Nam. Trong đó, chính sách
 an ninh - quốc phòng là nền tảng cơ bản, được các
 chính sách kinh tế - xã hội hỗ trợ đắc lực. Trong thực
 tiễn, trên cơ sở kế thừa chính sách của vua Gia Long,
 vua Minh Mạng đã tập trung xây dựng thể trận phòng
 thủ biên giới với trọng tâm là hệ thống phòng thủ trên
 một số khu vực ở Gia Định, Định Tường, An Giang
 và Hà Tiên. Cụ thể như thể hiện thái độ kiên quyết
 trong quan hệ với Xiêm La; phân định rõ đường biên



Hình 1: Bản đồ hành chính Nam kỳ lục tỉnh năm 1836 (Nguồn [16, tr.64])

259 giới với Chân Lạp; thực hiện chính sách khai phá kết
 260 hợp an ninh quốc phòng; thực hiện chính sách vỗ yên
 261 với các dân tộc ở vùng biên giới; lựa chọn quan lại phù
 262 hợp để cai quản; xây dựng lực lượng quân đội cơ động,
 263 phù hợp với điều kiện của vùng biên giới; thiết lập hệ
 264 thống đồn, bảo dày đặc ở đây để kiểm soát tình hình.
 265 Việc thực thi chính sách an ninh - quốc phòng đúng
 266 dẫn của Minh Mạng đã phát huy tác dụng to lớn, góp
 267 phần bảo vệ vững chắc vùng biên giới Tây Nam nói
 268 riêng, chủ quyền của Đại Nam trên vùng đất Nam Kỳ
 269 nói chung.

270 **Củng cố, xây dựng và tổ chức lực lượng quân**
 271 **đội trấn giữ biên giới**

272 ăm 1802, sau khi thiết lập vương triều, vua Gia Long
 273 đã tập trung xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước về
 274 mọi mặt, trong đó việc hoạch định và triển khai chính
 275 sách về an ninh - quốc phòng, đặc biệt ở khu vực biên
 276 giới Tây Nam luôn được triều đình chú trọng. Vua Gia
 277 Long đã áp dụng phương pháp quản lý truyền thống
 278 “ràng buộc lỏng lẻo” với các vùng dân tộc thiểu số,
 279 thực hiện cả việc khuyến khích và kiểm soát nhằm
 280 từng bước tăng cường sự kiểm soát của triều đình
 281 Trung ương⁴. Bên cạnh đó, Gia Long cũng ban hành
 282 nhiều chỉ dụ đến các địa phương có đường biên giới
 283 giáp với nước khác nhằm giải quyết những vấn đề xây

284 ra trong quá trình giao lưu, buôn bán hoặc quan hệ với
 285 người nước ngoài. Để đảm bảo an ninh lãnh thổ, Gia
 286 Long đã chỉ đạo xây dựng các đồn, bảo dọc biên giới,
 287 nhằm giám sát sự xâm nhập của người nước ngoài.
 288 Việc tuyển mộ binh lính canh giữ tại các đồn, bảo
 289 cũng ưu tiên lấy người địa phương hoặc người nước
 290 khác sinh sống tại Việt Nam, cho họ mang tên người
 291 Việt Nam để sung vào; đồng thời triển khai nhiệm vụ
 292 tuần tra biên giới đến các địa phương, với các quy định
 293 nghiêm ngặt từ việc kiểm soát số lượng người nước
 294 ngoài ở Việt Nam đến việc báo cáo số lượng quân
 295 dịch...⁴. Kế thừa thành quả của Gia Long, dưới thời
 296 Minh Mạng, nhà vua dành nhiều sự quan tâm đến
 297 vấn đề xây dựng quân đội, thiết lập hệ thống phòng
 298 thủ thông qua việc củng cố, thiết lập hệ thống đồn,
 299 bảo và chăm lo cho binh lính đồn trú ở khu vực biên
 300 giới.

301 Trong chế độ tuyển binh, để tăng cường lực lượng
 302 quân sự cho Nam Kỳ nói chung, biên giới Tây Nam nói
 303 riêng, nếu như trong thời kỳ đầu, việc tuyển binh cho
 304 các trấn, đạo ở khu vực biên giới Tây Nam được vua
 305 Gia Long quy định: Đối với Gia Định thành, cứ 8 đình
 306 lấy 1 lính, còn biệt nạp như đồn điền các trại 3 đình
 307 lấy 1 lính [19, tr.357], thì dưới thời Minh Mạng, đặc
 308 biệt là sau sự biến Lê Văn Khôi ở Phiên An và cuộc tấn
 309 công của quân Xiêm vào Nam Kỳ cuối năm 1833 đầu

310 năm 1834, Minh Mạng nhận thấy do số lượng binh
 311 lính đồn trú ở khu vực biên giới quá ít, trong khi lực
 312 lượng quân đội ở các tỉnh khác không kịp ứng cứu
 313 khi có binh biến xảy ra, dẫn đến việc An Giang, Hà
 314 Tiên nhanh chóng thất thủ trước sự tấn công của quân
 315 Xiêm vào đầu năm 1834, Minh Mạng đã có những quy
 316 định về chính sách tuyển binh nhằm tăng cường lực
 317 lượng quân sự cho Nam Kỳ nói chung và các tỉnh biên
 318 giới Tây Nam nói riêng. Theo đó, Minh Mạng quy
 319 định cứ 5 đình lấy 1 lính (trong khi ở Bắc Kỳ là 7 đình
 320 lấy 1, Quảng Bình - Bình Thuận là 3 đình lấy 1) [19,
 321 tr.357]. Bên cạnh đó, triều đình cũng điều động quân
 322 binh từ các khu vực khác đến vùng biên giới quan yếu
 323 như An Giang, Hà Tiên, Quang Hóa để hỗ trợ phòng
 324 bị: “lệnh cho Tổng đốc An - Biên là Nguyễn Văn Quế,
 325 Thụ đốc Long - Tường là Lê Phúc Bảo đều phái 1 Lãnh
 326 binh, 2 Quân cơ, 1.000 binh chuẩn bị đủ thuyền,
 327 súng và khí giới, thủy, lục cùng tiến đi (An Giang)
 328 trú phòng” [20, tr.565]. Cũng trong năm 1834, Minh
 329 Mạng hạ lệnh cho các Tướng quân, Tham tán ở Gia
 330 Định phái ngay một vệ Kinh binh cùng 500 hương
 331 dũng đi thuyền đến An Giang trú phòng. Theo lệnh
 332 nhà vua, tỉnh An Giang được cấp 10 chiến thuyền;
 333 Vĩnh Long, Định Tường, Hà Tiên mỗi tỉnh từ 5 đến
 334 7 chiếc; lại cấp thêm đại bác, thuốc súng, đạn cho các
 335 tỉnh để tăng cường phòng bị. Ngoài ra, theo mật dụ,
 336 tỉnh An Giang được lệnh bổ sung 1.000 hương dũng,
 337 phối hợp với Kinh binh chuẩn bị chia đi đóng giữ Nam
 338 Vang và Hà Tiên [20, tr.570].
 339 Cũng cần nói thêm, ngay từ năm 1822, nhận thấy
 340 tham vọng và mối đe dọa từ Xiêm La ngày càng lớn,
 341 Minh Mạng quyết định chuyển tất cả dân trong các
 342 đồn điền ở Nam Kỳ vào ngạch lính “các trại đồn điền
 343 biệt nạp lấy tên huyện hay tên tổng sở tại để gọi, số
 344 đình chỉ ghi vào sổ thuế” trước đây, nay đổi thành
 345 “tùng hiệu, xin đặt lại tên, ghi theo ngạch binh” [21,
 346 tr.231]. Bằng cách này, triều đình có thêm hơn 9.703
 347 binh lính, vốn là số dân đồn điền trong 247 trại đồn
 348 điền ở Nam Kỳ [21, tr.231]. Bên cạnh đó, để tăng
 349 cường lực lượng cho khu vực này, năm 1823, Minh
 350 Mạng sai Vệ úy vệ Trung bảo nhị là Nguyễn Văn
 351 Trương quản 5 cơ tòng thành Gia Định và 450 binh
 352 đồn Uy Viễn đến đồn Châu Đốc theo Án thủ Nguyễn
 353 Văn Thoại đóng thú [21, tr.230]. Đối với khu vực sông
 354 Tiền được xem là nơi trọng yếu, năm 1826, vua truyền
 355 dụ cho đặt thêm chức Hiệp thủ ở ba đạo Tân Châu,
 356 Chiến Sai và Hùng Ngự (Hồng Ngự) thuộc trấn Vĩnh
 357 Thanh [22, tr.419]. Năm 1827, vua lại chuẩn y cho Án
 358 thủ Châu Đốc Nguyễn Văn Thoại mộ lập ba đội Châu
 359 Đốc Nhất, Nhị, Tam và hai đội An Hải Nhất, Nhị, mỗi
 360 đội đặt một Suất đội [21, tr.462] để tăng cường việc
 361 phòng bị miễn duyên hải Hà Tiên và vùng biên giới
 362 Châu Đốc - An Giang.

Cùng với việc tăng cường số lượng binh lính đồn trú
 trong các khu vực xung yếu ở biên giới Tây Nam,
 Minh Mạng còn ban hành các quy định cụ thể trong
 việc tổ chức lực lượng quân đội ở khu vực này. Trong
 chính sách về việc tổ chức lực lượng quân đội ở Nam
 Kỳ năm 1832 quy định rõ: Phiên An 11 cơ, Biên Hòa
 6 cơ, Vĩnh Long 9 cơ, Định Tường 5 cơ, An Giang 8
 cơ, Hà Tiên 4 cơ [5, tr.357]. Theo quy định này, quân
 số mỗi cơ gồm 10 đội, mỗi đội 50 người, như thế lực
 lượng quân đội ở các khu vực này vào năm 1832 dao
 động khoảng 19.000 quân [5, tr.357]. Đến năm 1833,
 quân đội triều Nguyễn ở Nam Kỳ đã có sự thay đổi,
 lúc này ở Gia Định (Phiên An trước đây) có 9 cơ (10
 đội) và 3 đội pháo thủ, 2 đội giáo dưỡng, 2 đội Hồi
 lương, 1 đội An lương; Biên Hòa có 5 cơ (10 đội), 2
 đội tượng cơ, 1 đội pháo thủ và 1 đội Hồi lương; Vĩnh
 Long có 8 cơ (10 đội), 1 đội Pháo thủ, 1 đội Long nghị,
 3 đội Trấn binh, 2 đội Hồi lương và 2 đội Vĩnh lương;
 Định Tường có 5 cơ (10 đội), cơ Tường tráng 1 đội, 1
 đội Pháo thủ và 1 đội Tường võ, 2 đội Hồi lương; An
 Giang có 8 cơ (10 đội), 2 đội pháo thủ và 2 đội Hồi
 lương; Hà Tiên có 2 cơ (10 đội) và 1 đội Biên lương
 [5, tr.358], với trên 20.000 quân. Năm 1836, Phiên
 An, An Giang, Hà Tiên, Định Tường là 24 cơ (trong
 đó riêng An Giang và Hà Tiên là 10 cơ, khoảng 17.000
 người) [5, tr.259]. Lúc này, ngoài 4 lực lượng cơ bản
 là bộ binh, thủy binh, pháo binh và tượng binh đồn
 trú, ở các tỉnh biên giới Tây Nam còn có các đội quân
 Giáo dưỡng, đội Pháo thủ, đội Hồi lương, An lương
 vốn là những tù phạm sung quân [5, tr.375]. Đặc biệt,
 đối với những khu vực trọng yếu như Hà Tiên và An
 Giang, Minh Mạng còn ban hành chính sách thiết lập
 ở những khu vực này các Ty hành nhân - gồm những
 người am hiểu tiếng Chân Lạp, Xiêm La, Trung Hoa
 để sử dụng vào các mục đích ngoại giao, quân sự.
 Nhất quán trong việc thực hiện chính sách “ngụ binh
 ư nông”, trong việc điều động binh lính, Minh Mạng
 cho áp dụng quy chế chia ban, phiên đổi với binh lính
 các tỉnh. Theo đó, binh đóng ở các tỉnh biên giới
 Gia Định, Định Tường, Hà Tiên, An Giang chia làm 3
 ban, 1 ban tại ngũ, 2 ban về quê, 1 tháng thay đổi 1 lần.
 Đồng thời, để đảm bảo luôn có một số lượng quan,
 binh nhất định cho những khu vực này, Minh Mạng
 tiến hành phân phái binh lính các tỉnh từ Quảng Nam
 trở vào, luân phiên đi tuần thú tại các địa bàn quan
 trọng ở biên giới Tây Nam: Gia Định là đất yếu địa -
 chọn cử 1 vệ lính Kinh, 1 cơ Quảng Nam đóng thú.
 Hà Tiên là địa đầu quan yếu - phái quân Gia Định,
 Vĩnh Long, An Giang mỗi tỉnh một cơ đi thú. Lính
 đến đóng thú vào tháng Giêng, 6 tháng đổi một lần
 [23, tr.438].
 Việc tổ chức cho binh sĩ đóng ở khu vực biên giới
 tập luyện cũng được triều đình chú trọng và duy trì

416 thường xuyên. Chế độ huấn luyện và thao diễn của
 417 lực lượng binh sĩ biên cương được tổ chức nghiêm
 418 ngặt hơn so với các khu vực khác. Năm 1831, sau
 419 khi nghe Lê Văn Duyệt báo cáo về tình hình do thám
 420 cho thấy nước Xiêm đang dòm ngó, Minh Mạng nhận
 421 định: “ Binh lính có thể trăm năm không dùng đến
 422 nhưng không thể một ngày không phòng bị. Nếu có
 423 dự bị thời gặp việc không phải lo lắng” [24, tr.60].
 424 Sau đó, ra lệnh cho binh lính ở Gia Định phải tạm
 425 dừng mọi hoạt động, tập trung vào tập luyện. Năm
 426 1834, Minh Mạng tiếp tục truyền dụ: “ cho tập hợp
 427 quân lính Vĩnh Long, An Giang, Định Tường mỗi
 428 tỉnh 1000 người; Biên Hòa, Hà Tiên mỗi tỉnh 500
 429 người, nếu thiếu thì lấy thêm hương đồng quanh tỉnh
 430 sung vào rồi cấp phát lương tiền, cho đi thao diễn để
 431 giữ tinh thành... Các tỉnh ấy lại phải sửa chữa các
 432 thuyền, thành trì, súng lớn và khí giới, cần cho được
 433 vững vàng, tinh nhuệ” [19, tr.158]. Ngoài ra, việc sửa
 434 chữa chiến thuyền, thành trì, súng lớn và khí giới...
 435 được tiến hành thường xuyên, nhằm đảm bảo luôn
 436 trong tư thế sẵn sàng [19, tr.158]. Minh Mạng còn ra
 437 quy định “không được ngược đãi lính, dùng làm việc
 438 riêng, hoặc bán đi, hoặc thả về, hoặc cho nghỉ việc.
 439 Ai vi phạm sẽ có tội” [19, tr.373]. Nhờ sự quan tâm
 440 xây dựng và tập luyện, lực lượng quân đội đồn trú ở
 441 biên giới Tây Nam khá tinh nhuệ, can đảm và khôn
 442 ngoan “họ thường tập bắn súng, bắn tên, đâm chém
 443 bằng gươm giáo và ném cả tạ trên bộ và trên chiến
 444 thuyền” [25, tr.75].
 445 Xác định Châu Đốc, Hà Tiên là một trong những vùng
 446 biên giới có vị trí yết hầu, liên quan trực tiếp đến sự
 447 suy, thịnh của triều đình, vua Minh Mạng đã có nhiều
 448 chỉ dụ để tăng cường quân nhu, khuyến khích tinh
 449 thần của binh lính. Vua dụ: “Quân là nanh vuốt của
 450 nước, họ đóng thú xa xôi, làm việc vất vả, trăm vẫn
 451 thương xót,... Vậy phạm thú binh thuộc thành, ngoại
 452 lệ lương ra đều được cấp thêm 5 quan tiền, áo quần thì
 453 quan may mà cấp...”[26, tr.136]. Đồng thời, năm 1821,
 454 cho lập kho Châu Đốc để chứa tiền gạo cấp phát cho
 455 viên quân lưu trú, dự trữ quân lương và làm lương
 456 thưởng cho tướng, lính lập được chiến công²⁷.
 457 Vua Minh Mạng cho rằng, muốn bảo vệ vùng biên
 458 giới việc tăng cường và dựa vào lực lượng quân đội
 459 chính quy là chưa đủ, mà còn phải dựa vào sức mạnh
 460 của nhân dân, đặc biệt là lực lượng dân tộc ít người
 461 ngay tại chính địa phương. Do đó, khác với các vùng
 462 đất ở Nam Bộ khi “lưu dân đi trước, nhà nước theo
 463 sau” thiết lập chính quyền hành chính, đối với vùng
 464 Châu Đốc, Hà Tiên, nhà Nguyễn thiết lập đơn vị hành
 465 chính và đưa lực lượng quân đội đi khẩn hoang, tạo
 466 ra những điều kiện thuận lợi về chính trị và xã hội²⁸.
 467 Trên cơ sở đó, thu hút lưu dân đến khai phá và sinh
 468 sống ngày càng đông đúc.

Kế thừa chính sách đối với vùng biên viễn của Gia
 Long, Minh Mạng tiến hành di dân và cải chính tên
 họ cho dân các dân tộc thiểu số ở các sóc Cao Man,
 thuộc huyện Kiên Giang¹¹. Cụ thể, năm 1826, Minh
 Mạng lựa chọn 518 người ở các sóc Cao Man, sắp xếp
 thành 10 đội, gọi là chi Kiên Hùng, và đưa vào đồn
 Uy Viễn. Năm 1833, Minh Mạng tiếp tục ban dụ mộ
 500 người ở phủ Chân Chiêm, sắp xếp thành 10 đội,
 gọi là cơ An Biên [29, tr.149]. Năm 1834, sau khởi
 biến Lê Văn Khôi và hành động xâm lược của Xiêm
 La, Đại thần Trương Minh Giảng và Lê Đại Cương đã
 tâu với nhà vua về việc tuyển binh như sau: “Lựa lấy
 thổ binh người Chăm (đòng đôi Thuận Hóa), người
 Chà Và (đòng giống Chà Và cư trú đất Phiên)... làm
 2 cơ An Man Nhất và Nhị. Mỗi cơ 10 đội, mỗi đội
 50 người” [19, tr.298]. Năm 1835, Minh Mạng chọn
 823 người dân Chăm, sắp xếp thành 2 cơ, gọi là An
 Man 1 và 2, mỗi cơ có 10 đội. Ngoài ra, ông cũng lấy
 223 người dân Bồ Đà, đã ngụ ở hạt Cao Man, sắp xếp
 thành 5 đội, gọi là cơ An Man thứ 3... [29, tr.149]. Với
 việc sử dụng lực lượng quân đội tại chỗ là người địa
 phương, có am hiểu địa thế vùng biên giới đã giúp các
 lực lượng đồn trú ở đây phản ứng nhanh và hiệu quả
 khi có biến xảy ra.

Những chính sách trên cho thấy, vùng biên giới Tây
 Nam của Nam Kỳ luôn được vua Minh Mạng quan
 tâm xây dựng bố trí lực lượng quân đội để bảo vệ chủ
 quyền và an ninh biên giới. Việc xây dựng, tăng cường
 quân đội địa phương, tổ chức tập luyện, tăng cường
 trang bị vũ khí và những chính sách ưu đãi đối với
 binh lính đồn trú ở khu vực này đã giúp cho quân đội
 của nhà Nguyễn dưới triều Minh Mạng không ngừng
 gia tăng cả về số lượng lẫn chất lượng.

Thiết lập hệ thống đồn bảo phòng thủ khu vực biên giới

Song song với việc củng cố, xây dựng và tổ chức lực
 lượng quân đội trấn giữ biên giới, trong chính sách an
 ninh - quốc phòng, Minh Mạng còn chú trọng và triển
 khai việc thiết lập hệ thống đồn (tấn), bảo (cổ)^a,
 pháo đài^b phòng thủ ở khu vực này. Vùng đất Nam
 Kỳ có địa thế chiến lược với hai con sông quan trọng

^a Bảo (cổ), đồn (tấn) là các đơn vị phòng thủ ở các cửa sông (đầu nguồn), cửa biển. Quy mô của bảo, tấn nhỏ hơn pháo đài. Vị quan cai quản các bảo và tấn được gọi là Tấn thủ. Đến năm 1847, nhà Nguyễn đặt thêm chức Phòng thủ úy để phụ trách các bảo, tấn. Lực lượng phòng thủ ở các bảo, tấn là những người được tuyển chọn từ các địa phương, đặc biệt là những vùng cửa sông, ven biển bởi đây là những vùng có truyền thống đi biển, bám biển. Ở Nam Kỳ, một số bảo, tấn bên cạnh lực lượng quân đội còn có sự tham gia của dân binh tự nguyện vào hoạt động canh giữ miền biển. Số lượng quân binh đóng giữ trong các bảo, tấn có thể thay đổi theo mức độ “bận rộn” của công việc, thông thường, số lượng quân binh trong bảo từ 30-80 người, số lượng trong tấn thường từ 15-30 người.

^b Pháo đài (thành) là công trình phòng thủ kiên cố chuyên đặt pháo để chiến đấu và phòng thủ, được xây dựng ở góc thành lũy hoặc

là sông Tiền và sông Hậu, không chỉ có giá trị kinh tế mà còn đóng vai trò quan trọng trong quân sự và an ninh quốc phòng⁵. Nếu muốn đưa quân lên Chân Lạp thì phải cho thuyền đi ngược sông Tiền Giang rồi mới lên được Nam Vang. Vùng biên giới giữa Đại Nam và Chân Lạp bao gồm các vùng là trấn Phiên An (Long An), Đồng Tháp Mười, Châu Đốc, Hà Tiên với con đường chiến lược là sông Tiền, riêng nơi biên giới hiểm yếu với Xiêm là cửa biển Rạch Giá, Hà Tiên (giáp vịnh Thái Lan)¹¹. Vì thế từ thời các chúa Nguyễn, hệ thống đồn, bảo đã được thiết lập ở khu vực Hồng Ngự, Cù lao Giêng, Sa Đéc, Châu Đốc... Sang thời kỳ triều Nguyễn, vua Gia Long tiếp tục đánh giá cao vùng đất biên giới và xem đây là địa đầu quan ải của trấn Vĩnh Thanh với Chân Lạp, nên vua đặt tên là “Châu Đốc Tân Cương”²⁶. Ngoài ra, vua Gia Long còn cho tiến hành xây dựng một số công trình quân sự phòng thủ khác ở khu vực này, tạo thành trung tâm phòng thủ, chỉ huy cho cả hệ thống quốc phòng ở vùng biên giới Tây Nam, góp phần quan trọng giữ gìn nền độc lập và trị an của đất nước [25, tr.90-91].

Sang triều Minh Mạng, việc trấn thủ, củng cố, mở rộng và xây dựng thêm hệ thống thành lũy, đồn, bảo ở khu vực biên giới Tây Nam tiếp tục được thực thi, cụ thể: năm 1826, Minh Mạng cho xây dựng thành Hà Tiên với chu vi 96 trượng, cao 7 thước 2 tấc, nằm ở xã Mỹ Đức, huyện Hà Châu; năm 1827, Minh Mạng cho tăng cường thêm các đồn thủ ở phía sông Hậu và xây dựng Châu Đốc thành một khu vực quân sự chiến lược vững chắc, nhằm tạo ra một căn cứ quân sự để bảo vệ Hà Tiên và Nam Vang; năm 1831, Minh Mạng sai Lê Văn Duyệt xem xét địa hạt tỉnh Hà Tiên có những nơi xung yếu nào, đặc biệt là các khu vực giáp giới Chân Lạp, Xiêm La thì cho đặt pháo đài để phòng bị. Sau năm 1832, nhất là khi Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt qua đời, quân Xiêm La tăng cường đưa quân sang khu vực Hà Tiên, An Giang gây hấn, làm cho an ninh khu vực này bị ảnh hưởng nghiêm trọng, phá huỷ thành quả khai phá của quân dân vùng biên giới đã đạt được trước đó. Trước tình hình đó, Minh Mạng đã tiếp tục triển khai nhiều biện pháp nhằm tăng cường phòng thủ cho những khu vực này với hệ thống đồn, bảo được thiết lập dày đặc ở đây, tiêu biểu như Năm 1833, sau khi thành lập tỉnh An Giang, Minh Mạng nhấn mạnh đến vị trí xung yếu của khu vực này đối với sự an nguy của khu vực biên giới Tây Nam. Năm 1834, để tăng cường hệ thống phòng thủ, Minh Mạng cho triệt phá đồn Châu Đốc cũ xây dựng đồn mới kiên cố hơn [30, tr.110], vị trí đặt đồn ở

riêng biệt ở những vị trí quan trọng gần cửa sông, cửa biển, những khu yếu địa trên biên giới quốc gia. Tại các pháo đài, số lượng quân đóng giữ thường đông hơn các tấn, bảo.

Hậu Giang, giữa các ngã đường đi lại [24, tr.67]; năm 1836, Minh Mạng cho xây dựng thành phủ Ba Xuyên (tỉnh An Giang), thuộc địa phận thôn Hòa Mĩ, huyện Phong Nhiêu... [31, tr.68]; năm 1836 cho xây dựng thành tỉnh Gia Định với chu vi 429 trượng, cao 10 trượng 3 tấc, bằng đá, nằm ở thôn Nghĩa Hòa, huyện Bình Dương; năm 1838, thành phủ Tây Ninh (tỉnh Gia Định), có chu vi 188 trượng, 8 thước, 4 tấc, cao 7 thước, nằm ở địa phận thôn Khang Ninh, huyện Tân Ninh được thiết lập... [31, tr.69].

Cùng với việc xây dựng và củng cố hệ thống đồn, bảo, trong bối cảnh tình hình vùng biên giới luôn tiềm ẩn nguy cơ bất ổn, đặc biệt là việc quân Xiêm đóng quân ở Bắc Tầm Bôn (đất Chân Lạp) luôn trong tình thế tấn công khi Đại Nam sơ hở, năm 1832, sau khi đánh diệt giặc Chà Và, Minh Mạng cho rằng: “Còn Lôn thủ và Hà Tiên Phú Quốc thủ đều là những nơi xung yếu, dân ở đông đúc, thế mà thường có giặc biển ẩn hiện. Liền truyền dụ cho quan thành chọn đất 2 chỗ thủ ấy, xây đặt pháo đài, liệu cấp súng đạn, khí giới, thuyền bè, phái quân đóng giữ” [29, tr.234]. Đồng thời, dụ cho các tỉnh biên giới chia đặt các súng lớn ở các đồn bảo để phòng thủ. Theo đó, cấp cho tỉnh thành An Giang 1 cỗ đại luân xa Thào nghịch tướng quân đồng pháo, 1 cỗ Võ công tướng quân đồng pháo, 20 cỗ Quá sơn đồng pháo; Thành Châu Đốc 10 cỗ Hồng y cương pháo, 2 cỗ Phách sơn cương pháo, 10 cỗ Quá sơn đồng pháo. Đồn Châu Giang có 2 cỗ Hồng y cương pháo, 6 cỗ Quá sơn đồng pháo. Hai đồn Tân Châu và An Lạc mỗi đồn đều có 2 cỗ Hồng y cương pháo và 6 cỗ Quá sơn đồng pháo. Tấn sở Lô An có 2 cỗ Hồng y cương pháo, 4 cỗ Quá sơn thiết pháo. Ba đồn Vĩnh Tế, Vĩnh Nguyên và Chu Phú, mỗi đồn đều có 4 cỗ Quá sơn thiết pháo. Tổng cộng có 100 cỗ” [19, tr.615]. Tháng 7/1834, tăng cường binh lính và khí giới để phòng bị cho lũy đài Phù Dung và Kim Dữ ở Hà Tiên [19, tr.229].

Bên cạnh đó, tại những phủ, huyện có địa bàn giáp ranh với Chân Lạp, Xiêm La hay án ngữ trên con đường giao thông thủy, bộ chiến lược, Minh Mạng chủ trương xây dựng hệ thống tấn, bảo, pháo đài... Trong đó, các tấn, bảo, bên cạnh nhiệm vụ phòng giữ, bảo vệ biên giới còn kiêm thêm việc thu thuế và kiểm soát hoạt động giao thương, buôn bán với nước ngoài. Theo thống kê từ *Đại Nam thực lục, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* và *Đại Nam nhất thống chí*, hệ thống tấn, bảo, pháo đài ở các tỉnh thuộc khu vực biên giới Tây Nam thời kỳ này cụ thể như sau: Ở tỉnh Gia Định có các Tấn: Cần Giờ, Đồng Ninh, Lôi Lạp; các Bảo: Quang Hóa, Tây Hóa, Lộc Giang; Thủ: Quang Phong; Pháo đài: Hữu Bình. Ở tỉnh Định Tường có các Tấn: Đại Hải, Tiểu Hải, Ba Lai, Thông Bình; các Bảo: Hùng Ngự, Tuyên Uy, Thông Bình, Trấn

613 Nguyễn; Ở tỉnh An Giang có các Tấn: Tân Châu, Trấn
 614 Di, Mĩ Thanh, Di Xuyên; các Bảo: Vĩnh Tế, An Lạc.
 615 Ở tỉnh Hà Tiên có các Tấn: Kim Dũ, Kiên Giang, Cửa
 616 Lớn, Cửa Bé, Hợp Phố, Tam Giang, Bồ Đề, Ghềnh
 617 Hào; các Bảo Phú Anh, Lư Khê, Giang Thành, Tiên
 618 Thái, Phú Quốc,...^{22,30,32}. Có thể nói, sự gia tăng số
 619 lượng các tấn, bảo cho thấy sự quan tâm đặc biệt của
 620 Minh Mạng đối với khu vực biên giới Tây Nam. Hệ
 621 thống tấn, bảo được xây dựng khá kiên cố, được trang
 622 bị vũ khí và lực lượng quân binh. Các chỉ huy đứng
 623 đầu các tấn, bảo được quy định trách nhiệm rõ ràng và
 624 sẽ phải đối mặt với hình phạt nghiêm khắc nếu không
 625 hoàn thành nhiệm vụ. Theo quy định, các tướng lĩnh
 626 đứng đầu tấn, bảo không chỉ quản lý các đồn điền do
 627 binh lính mở mang, mà còn phải điều chỉnh mối quan
 628 hệ giữa các nhóm dân tộc, đảm bảo an ninh và ổn định
 629 xã hội ở những khu vực nhạy cảm. Quân binh tại đây
 630 vừa giữ vai trò quốc phòng, bảo vệ chủ quyền lãnh
 631 thổ, vừa duy trì trật tự dân sự, chống lại các hành vi
 632 cướp bóc và gìn giữ an ninh. Nhờ có sự “linh hoạt”
 633 này, hệ thống đồn, bảo đã hoạt động tương đối hiệu
 634 quả, đóng vai trò quan trọng trong chính sách an ninh
 635 - quốc phòng dưới thời vua Minh Mạng¹¹.
 636 Trước tình hình vùng biên giới Tây Nam luôn bị quân
 637 Xiêm La tràn sang quấy phá (đặc biệt là trong năm
 638 1834), ảnh hưởng nghiêm trọng đến thành quả khai
 639 phá của quân dân vùng biên giới, năm 1835, vua Minh
 640 Mạng ban hành chỉ dụ về việc lập đồn điền và mộ dân
 641 khai hoang ở Hà Tiên, nhằm tăng cường phòng thủ
 642 và phát triển kinh tế vùng biên giới Tây Nam. Mục
 643 tiêu của chỉ dụ là tạo điều kiện cho quân dân vừa canh
 644 tác, vừa huấn luyện và sử dụng sản phẩm nông nghiệp
 645 của mình làm nguồn lực. Chỉ dụ cũng quy định việc
 646 cung cấp vật tư và gia súc cho binh trú phòng ở
 647 những địa điểm có thổ nhưỡng phù hợp để lập đồn
 648 điền: “khiến họ vừa cày ruộng, vừa thao diễn và cho
 649 họ được dùng những thóc gạo, hoa lợi họ đã làm được.
 650 Đợi sau 1, 2 năm thành điền rồi, mới lấy thóc lúa,
 651 hoa lợi ấy sung làm khẩu lương” [¹⁹, tr.561]. Đối
 652 với việc lập đồn điền, Minh Mạng cho chọn những
 653 chỗ đất có thể trồng cấy được, cấp trâu cày và đồ làm
 654 ruộng cho binh trú phòng. Bên cạnh đó, Minh
 655 Mạng đã cho Tổng đốc An Hà Trương Minh Giảng và
 656 tuần phủ An Giang là Lê Đại Cương điều động hơn
 657 1.000 quân phu đến để xây lại thành Châu Đốc và sửa
 658 sang đồn Châu Giang. Triều đình còn đặt thêm ở bên
 659 hữu thành Châu Đốc một đồn mới gọi là đồn Chu
 660 Phú, phía hai bờ kênh Vĩnh Tế, nhà vua cũng cho đặt
 661 thêm hai đồn mới là đồn Vĩnh Tế và đồn Vĩnh Nguyên
 662 (Vĩnh Ngươn). Ngoài ra, triều đình còn cho đặt các cỗ
 663 súng và dự trữ đạn ở đây để chống giặc như “đồn Châu
 664 Đốc có 27 cỗ súng lớn, ngoài đồn trước sau 2 góc đều 2
 665 cỗ; góc bên hữu đồn là đồn Chu Phú có 4 cỗ. Đối ngạn

sông Vĩnh Tế là 2 đồn Vĩnh Tế và Vĩnh Nguyên đều
 666 2 cỗ, thủ Châu Giang 8 cỗ. Thuyền Hải đạo 5 chiếc,
 667 mỗi chiếc một cỗ súng lớn, 6 cỗ súng quá sơn. Thuyền
 668 Ô, thuyền Lê và thuyền Chu 22 chiếc, mỗi chiếc 3 cỗ
 669 súng quá sơn. Còn súng lớn như cỗ đại xa, luân xa
 670 hồng y, phách sơn, mỗi cỗ dự trữ 100 phát đạn, súng
 671 quá sơn mỗi cỗ 200 phát đạn” [¹⁹, tr.286]. Có thể
 672 nói, việc Minh Mạng cho thiết lập hệ thống đồn, bảo
 673 dày đặc cho thấy sự quan tâm, chú trọng đặc biệt của
 674 nhà Nguyễn đối với khu vực biên giới Tây Nam. Hệ
 675 thống tấn, bảo, thủ, pháo đài được xây dựng khá kiên
 676 cố, trang bị vũ khí và lực lượng quân binh phòng giữ
 677 nghiêm ngặt, không chỉ đóng vai trò canh phòng, mà
 678 còn làm cả các nhiệm vụ hành chính, kinh tế, văn hóa,
 679 xã hội. Quan binh đóng ở đây vừa làm chức năng quốc
 680 phòng, bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, vừa ổn định dân
 681 cư, tảo trừ cướp bóc, thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an
 682 ninh. Nhờ có tính chất “linh hoạt” đó, hệ thống các
 683 đồn, bảo biên phòng hoạt động hiệu quả, đóng vai trò
 684 quan trọng trong chính sách an ninh - quốc phòng của
 685 triều đình nhà Nguyễn.
 686

Như vậy, do tình hình, đặc điểm và bối cảnh lịch
 687 sử khác nhau nên các chính sách xây dựng hệ thống
 688 phòng thủ những nơi xung yếu và vùng biên giới Tây
 689 Nam của nhà Nguyễn có những mức độ và quy mô
 690 khác nhau tùy theo thời kỳ. Các công trình trong hệ
 691 thống phòng thủ biên giới được nhà nước chú trọng
 692 xây dựng thường xuyên, liên tục và luôn được sự quan
 693 tâm đặc biệt của triều đình. Các đồn bảo phòng thủ
 694 được xây dựng dày đặc, có sự liên kết phối hợp chặt
 695 chẽ với nhau tạo thành một hệ thống khép kín từ sông
 696 Tiền, sông Hậu cho đến cửa biển ở khu vực Hà Tiên.
 697 Theo tác giả Nguyễn Quang Ngọc, “trên chính diện
 698 biên giới Tây Nam, trong khoảng 100 km luôn luôn
 699 có khoảng 15 - 16 đồn bảo trấn giữ. Đây là mật độ
 700 đồn bảo khá dày đặc so với các tuyến biên giới khác
 701 lúc đó” [⁵, tr.263]. Hệ thống đồn, bảo đó đã giúp cho
 702 nhà Nguyễn phòng thủ, bảo vệ an ninh vùng biên giới
 703 và nhiều lần đánh thắng các thế lực ngoại xâm.
 704

THẢO LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã đóng góp thêm một mảng
 706 tư liệu quan trọng về chính sách an ninh - quốc
 707 phòng đối với khu vực biên giới Tây Nam bộ của triều
 708 Nguyễn dưới thời trị vì của vua Minh Mạng. Trên cơ
 709 sở nội dung nghiên cứu đã giải quyết, chúng tôi cho
 710 rằng vẫn cần có thêm nhiều nguồn tư liệu hơn nữa để
 711 đi đến khẳng định có một chính sách riêng của vua
 712 Minh Mạng trong việc thực thi chính sách an ninh -
 713 quốc phòng ở khu vực biên giới Tây Nam bộ, nhưng
 714 những gì trình bày trong nghiên cứu này cho phép
 715 tạm đi đến nhận xét rằng Minh Mạng ít nhất đã có
 716 những “ưu tiên” để thực hiện một chính sách như vậy
 717

718 thông qua những biện pháp và thực tế của việc triển
 719 khai những biện pháp đó ở vùng biên giới Tây Nam
 720 bộ theo tinh thần “phương thức lập các chính sách,
 721 ắt cần phải tùy địa phương mà định quy chế”. Trong
 722 thực tế, lực lượng quan binh đóng trú ở đây cùng với
 723 hệ thống đồn, bảo không chỉ đóng vai trò biên phòng,
 724 mà làm cả các nhiệm vụ hành chính, kinh tế, văn hóa,
 725 xã hội. Do có tính chất “linh hoạt” đó mà lực lượng
 726 quân đội và hệ thống các đồn, bảo biên phòng hoạt
 727 động hiệu quả, đóng vai trò quan trọng trong trong
 728 việc định hình đường biên giới Tây Nam và bảo vệ
 729 vững chắc chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

730 KẾT LUẬN

731 Thuộc địa phận các tỉnh Gia Định, Định Tường, An
 732 Giang và Hà Tiên, khu vực biên giới Tây Nam dưới
 733 thời nhà Nguyễn luôn giữ một vị trí chính trị - quân
 734 sự chiến lược. Đặc biệt, trong thế giằng co của mối
 735 quan hệ Đại Nam, Chân Lạp, Xiêm La, khu vực này là
 736 “phên dậu” cơ bản để bảo vệ vùng đất Nam Kỳ trù
 737 phú, giàu tiềm năng của Việt Nam. Là ông vua có
 738 nhân quan chính trị sắc bén, sớm nhận thức được
 739 tầm quan trọng của vùng biên giới Tây Nam, Minh
 740 Mạng đã thực hiện hàng loạt chính sách như khai
 741 hoang kết hợp với quốc phòng, chính sách ngoại giao
 742 mềm dẻo, linh hoạt nhưng kiên quyết đối với hai nước
 743 láng giềng là Chân Lạp và Xiêm, ... Đặc biệt, việc xây
 744 dựng, tổ chức lực lượng quân đội và tổ chức phòng
 745 thủ biên giới đất liền thông qua hệ thống đồn, bảo
 746 được thiết lập dày đặc cho thấy tầm quan trọng và thái
 747 độ quan tâm, chú trọng đặc biệt của vua Minh Mạng.
 748 Chính sách của Minh Mạng vừa nằm trong hệ thống
 749 chính sách chung của nhà Nguyễn, vừa mang những
 750 đặc điểm riêng phù hợp với thực tiễn địa phương và
 751 bối cảnh lúc bấy giờ. Minh Mạng đã có những bước
 752 tiếp nối vua Gia Long trong thế trận phòng thủ biên
 753 giới Tây Nam để khẳng định một cách vững chắc chủ
 754 quyền quốc gia, dân tộc. Do đó, góp phần quan trọng
 755 trong việc hình thành một vùng đất Tây Nam trù mật,
 756 dân cư đông đúc, binh lực dồi dào, làm cơ sở để thực
 757 thi có hiệu quả chính sách an ninh - quốc phòng, bảo
 758 vệ biên giới quốc gia. Có thể nói chính sách an ninh -
 759 quốc phòng đã góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp
 760 trong việc bảo vệ an ninh biên giới và chủ quyền vùng
 761 đất phía Nam và đã để lại những bài học kinh nghiệm
 762 sâu sắc trong chính sách an ninh - quốc phòng đối với
 763 khu vực biên giới của đất nước ta trong giai đoạn hiện
 764 nay.

765 LỜI CẢM ƠN

766 Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành
 767 phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài mã số
 768 B2023-18b-03.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ĐHQG: Đại học Quốc gia 770
 TP.HCM: Thành phố Hồ Chí Minh 771
 NXB: Nhà xuất bản 772
 KHXH: Khoa học xã hội 773
 HN: Hà Nội 774

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Các tác giả cam kết không có xung đột lợi ích liên
 776 quan tới nghiên cứu này. 777

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Bài viết là sản phẩm nghiên cứu của riêng nhóm tác
 779 giả. Kết quả nghiên cứu được rút ra trong khuôn khổ
 780 đề tài mã số B2023-18b-03. Tác giả Nguyễn Thị Ánh
 781 Nguyệt phác thảo ý tưởng; hai tác giả tiến hành thu
 782 thập dữ liệu, phân tích và trình bày các kết quả nghiên
 783 cứu. Tác giả Nguyễn Thị Ánh Nguyệt chỉnh sửa theo
 784 góp ý của các chuyên gia phản biện và hoàn thiện bài
 785 viết. 786

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Văn Quyết. Biện pháp sử dụng quan lại là người địa
 788 phương trong bộ máy chính quyền ở Nam Bộ trong thời kỳ
 789 đầu của triều Nguyễn (1802-1832). Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci.
 790 Hum.; 5(1):900-907; Available from: [https://doi.org/10.32508/
 791 stdjssh.v5i1.644](https://doi.org/10.32508/stdjssh.v5i1.644). 792
2. Lê Văn Anh, Đặng Văn Chương. Chính sách đối ngoại của
 793 triều Nguyễn với Xiêm (Thái Lan) về vấn đề Lào và Campuchia
 794 trong 30 năm đầu thế kỷ XIX, Kỷ yếu hội thảo khoa học: Chúa
 795 Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế
 796 kỷ XVI đến thế kỷ XIX, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2008;. 797
3. Nguyễn Minh Tường. Cải cách hành chính dưới thời Minh
 798 Mệnh (1820-1840). Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996;. 799
4. Choi Byung Wook. Vùng đất Nam Bộ dưới triều Minh Mạng.
 800 Nxb Thế giới, Hà Nội, 2011;. 801
5. Nguyễn Quang Ngọc (Cb). Vùng đất Nam Bộ, Tập IV, Từ đầu thế
 802 kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, HN,
 803 2017;. 804
6. Tống Văn Lợi. Gia Long và Minh Mệnh với vấn đề khai thác và
 805 quản lý biên giới Tây Nam (từ năm 1802 đến 1840). in trong
 806 Mấy vấn đề bản sắc văn hóa - xã hội, Kỷ yếu Hội thảo khoa
 807 học lần thứ ba. 2011;. 808
7. Đặng Văn Chương. Về cuộc tấn công của Xiêm vào Hà Tiên và
 809 Châu Đốc cuối năm 1833 đầu năm 1834”, Tạp chí nghiên cứu
 810 Lịch sử, số 3 (322), 2002;. 811
8. Đặng Văn Chương. Việt Nam trong quan hệ với Xiêm về vấn
 812 đề Lào và Campuchia đầu thế kỷ XIX. Tạp chí nghiên cứu Đông
 813 Nam Á, số 4, 2002;. 814
9. Dương Thế Hiến. Hệ Thống Cơ sở phòng thủ trên vùng đất Hà
 815 Tiên dưới triều Nguyễn (1802-1859). Tạp chí khoa học và Công
 816 nghệ Đại học Thái Nguyên, 288 (11);. 817
10. Cao Thanh Tân. Đồn binh Châu Đốc thời Nguyễn. Tạp chí
 818 Nghiên cứu lịch sử, số 2 (303), 1999;. 819
11. Nguyễn Minh Tường. Chính sách của vương triều Nguyễn đối
 820 với dân tộc Khmer ở Nam Bộ. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam,
 821 số 12 (97), 2015;. 822
12. Lê Trung Dũng. Quá trình phân định biên giới giữa Nam Bộ
 823 Việt Nam và Campuchia từ giữa thế kỷ XIX đến nay”, Tạp chí
 824 nghiên cứu lịch sử, số 336, 2006;. 825
13. Võ Thị Thúy Liễu. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về bảo vệ
 826 biên giới quốc gia. Trường chính trị tỉnh Bến Tre, truy cập ngày
 827 10/11/2023; Available from: [https://truongchinhtrivbentre.edu.
 828 vn/](https://truongchinhtrivbentre.edu.vn/). 829

- 830 14. Nguyễn Như Ý (Cb). Đại từ điển Tiếng Việt. Nxb. Văn hóa thông
831 tin, HN, 1999;.
- 832 15. Bùi Thị Ngọc. Chính sách của Nhà Nguyễn đối với vùng biên
833 giới Tây Nam dưới triều Minh Mệnh (1820-1840). Luận văn
834 Thạc sĩ Sử học. Trường Đại học KH&NV, ĐHQG-HN, 2014;.
- 835 16. Nguyễn Đình Đầu. Tổng kết nghiên cứu địa bạ nam Kỳ lục tỉnh.
836 Nxb Tp.Hồ Chí Minh, 1994;.
- 837 17. Vũ Minh Giang. Chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam trên vùng
838 đất Nam Bộ, Tạp chí Khoa học, số 1, 2006;.
- 839 18. Vũ Huy Phúc. Đón đầu - một loại hình tổ chức sản xuất nông
840 nghiệp quan trọng nửa đầu thế kỷ XIX". Tạp chí Nghiên cứu
841 Lịch sử, số 274, 1994;.
- 842 19. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục, tập IV, Nxb.
843 Giáo dục, HN, 2007;.
- 844 20. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục, tập III. Nxb. Giáo
845 Dục, HN, 2007;.
- 846 21. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục, tập II. Nxb. Giáo
847 dục, HN 2007;.
- 848 22. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục, tập I. Nxb. Giáo
849 dục, HN, 2007;.
- 850 23. Nội các triều Nguyễn. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập
851 9. Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993;.
- 852 24. Quốc sử quán triều Nguyễn, Minh Mệnh chính yếu, tập 6, Nxb.
853 Thuận Hóa, Huế, 1994;.
- 854 25. Dương Thế Hiến. Vùng đất An Giang trong chính sách quốc
855 phòng của chính quyền chúa Nguyễn và vua Nguyễn thời kỳ
856 1757 - 1867. Luận văn Thạc sĩ Lịch sử Việt Nam. Trường Đại học
857 Sư Phạm TPHCM, 2014;.
- 858 26. Ngô Thị Ngọc Linh. Chính sách bảo vệ biên giới Tây Nam Bộ
859 của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn 1757-1858. Luận
860 văn Thạc sĩ khoa học Lịch sử. Đại học Đồng Tháp, 2019;.
- 861 27. An Giang: Quá trình mở đất và giữ đất dưới thời nhà Nguyễn
862 (1757-1867). Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh An Gi-
863 ang. (truy cập ngày 23/5/2022); Available from: [https://www.
864 angiang.dcs.vn/](https://www.angiang.dcs.vn/).
- 865 28. Nguyễn Tuấn Anh. Nam Bộ trong mối quan hệ giữa chúa
866 Nguyễn với Chân Lạp và Xiêm từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX,
867 In trong Kỷ yếu hội thảo khoa học: Một số vấn đề lịch sử vùng
868 đất Nam Bộ đến cuối thế kỷ XIX, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2009;.
- 869 29. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. Minh Mệnh chính yếu, tập 3. Nxb.
870 Thuận Hóa, Huế, 2010;.
- 871 30. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam nhất thống chí, tập hạ.
872 Nxb. KH&NV, 1994;.
- 873 31. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam nhất thống chí, tập 5.
874 Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006;.
- 875 32. Viện sử học. Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ, tập 3. Nxb
876 Thuận Hóa, 2007;.

The security and defense policy of King Minh Mang towards the Southwest border region (1820-1840)

Nguyen Thi Anh Nguyet^{1,*}, Nguyen Nhu Y²



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

This paper is a study of the security and defense policy of the Nguyen dynasty during the reign of King Minh Mang (1820-1840), with a focus on the southwestern border region from two main aspects: (1) the consolidation, construction, and organization of the military forces; and (2) the establishment of the fortification system in this area. Based on the documents mainly compiled by the National History Institute of the Nguyen Dynasty, along with specialized research methods, including historical research methods, logical methods, and comparative and contrastive research operations, the paper argues that as the prosperous land of the Nguyen dynasty, Nam Ky (Southern Vietnam) had a vital position in defense and foreign affairs as well as a great potential in economy to create a breakthrough for the country's development. However, Nam Ky also often faced political instability, especially in the southwestern border region, due to the complicated relationship among the three feudal states: Dai Nam (Vietnam), Chenla (Cambodia), and Siam (Thailand). As a king with a keen political vision, after ascending the throne (1820), inheriting a large territory and territorial waters, King Minh Mang realized the important role of the southwestern border region in national security, so he implemented the security and defense policy here in a flexible and appropriate way according to the local reality, aiming to maintain the stability and order, strengthen the border defense, and establish the national territorial sovereignty. In fact, this policy contributed significantly to firmly protecting the sovereignty of Dai Nam over the land of Nam Ky.

Key words: policy, security and defense, Southwest border, Minh Mang, 1820-1840

¹University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

²Postgraduate student, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Nguyen Thi Anh Nguyet, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: nguyetxhnhv@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 29-02-2024
- Revised: 16-7-2024
- Accepted: 29-9-2024
- Published Online:

DOI :



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Nguyet N T A, Y N N. **The security and defense policy of King Minh Mang towards the Southwest border region (1820-1840).** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; ():1-1.